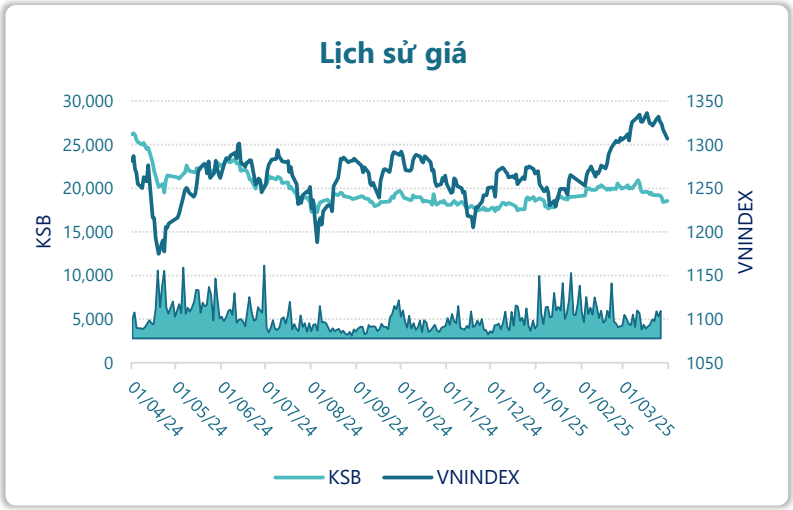
FireAnt

CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (HSX: KSB)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,550**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,250
SL cổ phiếu LH	114,443,703
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,224,420
% sở hữu nước ngoài	4.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,123
P/E	26.7
EPS	696

DT thuần

Q1/25

127

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.00| 6.6%

YoY: ▲ 84.5| 199%

LN sau thuế

Q1/25

35.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.6| 86.0%

YoY: ▲ 26.7| 288%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

56.1%

+/- YoY: ▲ 5.8%

DT thuần

2024

401

tỷ VNĐ

YoY: ▼128| -24.1%

LN sau thuế

2024

53.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.8| -28.2%

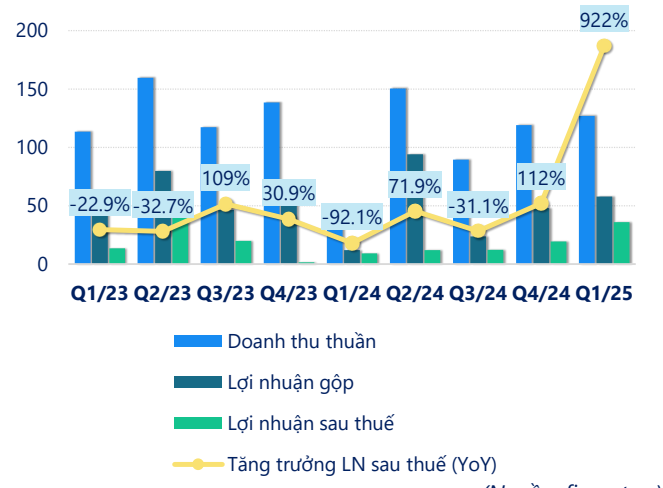
ROE

2024

2.3%

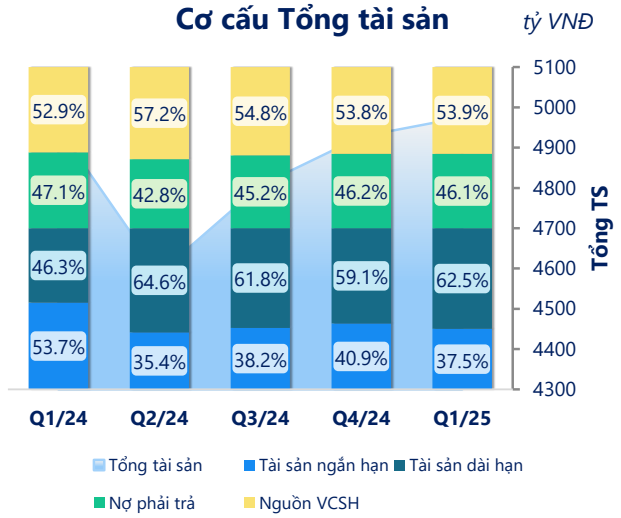
+/- YoY: ▼ 1.5%

Kết quả kinh doanh



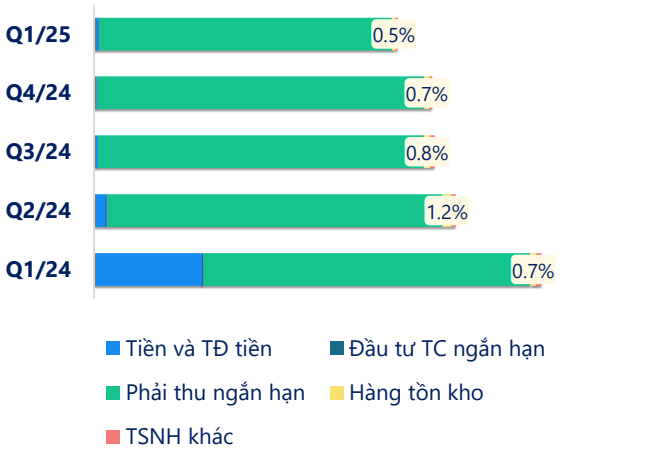
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



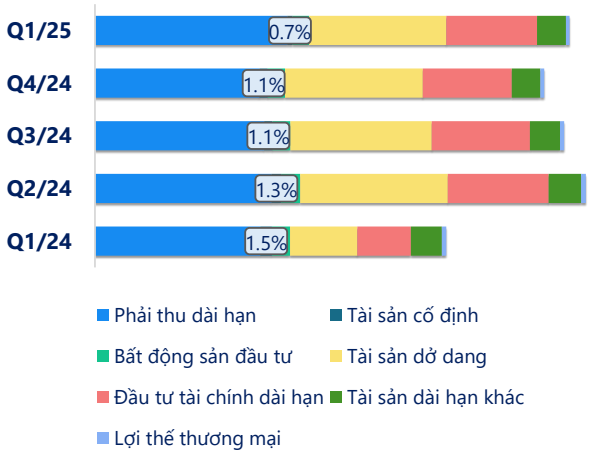
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



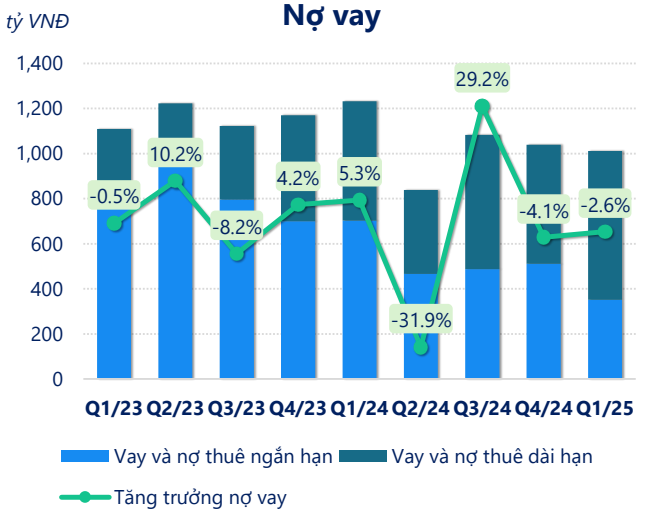
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



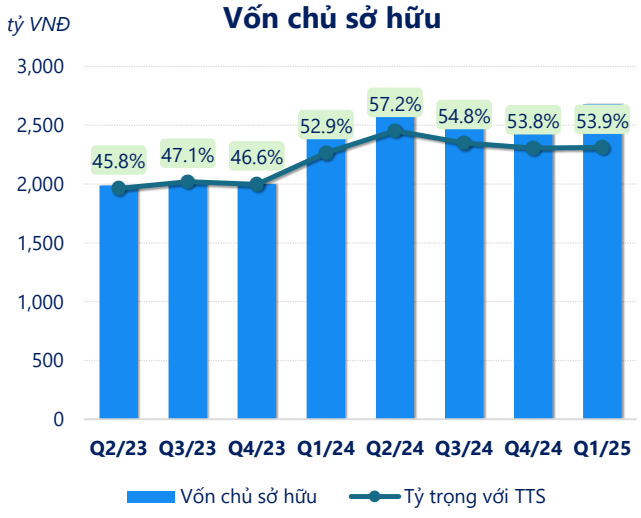
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



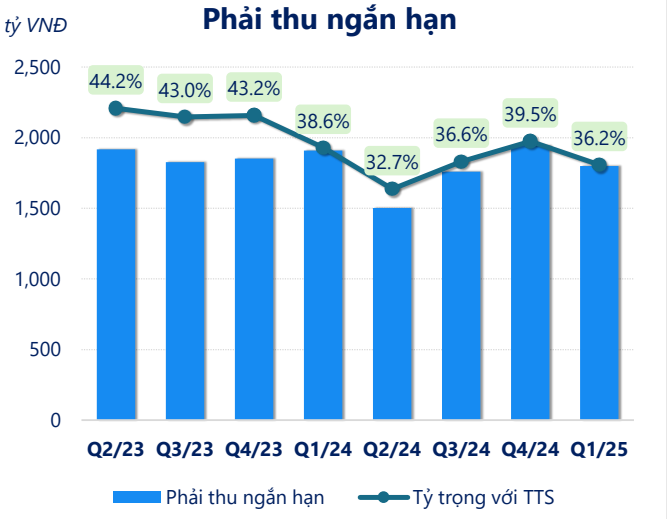
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



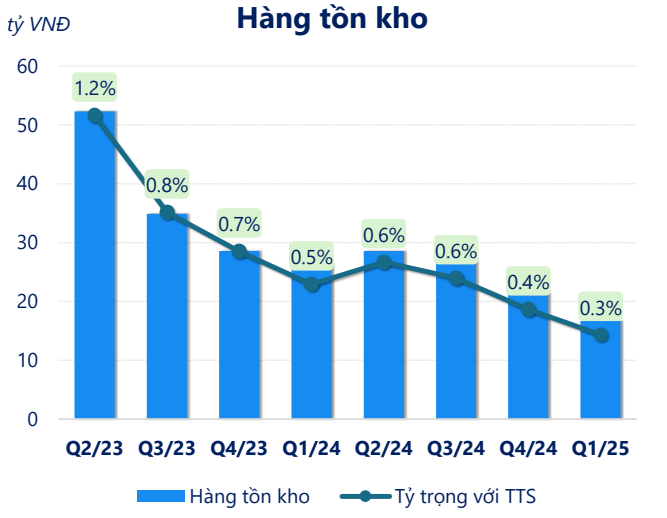
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



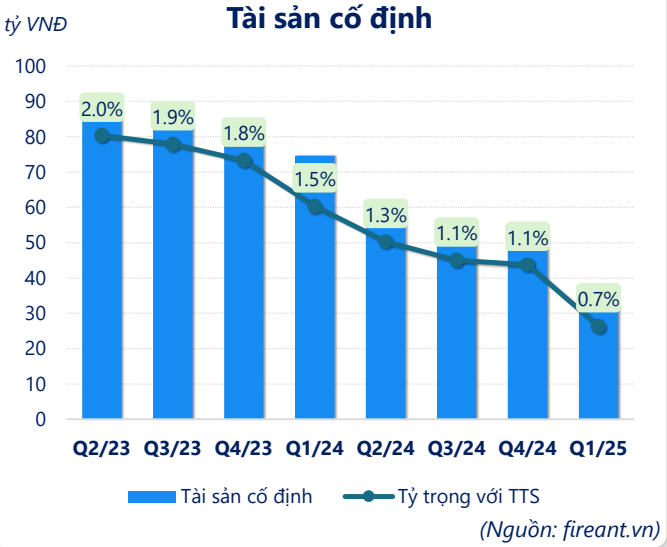
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



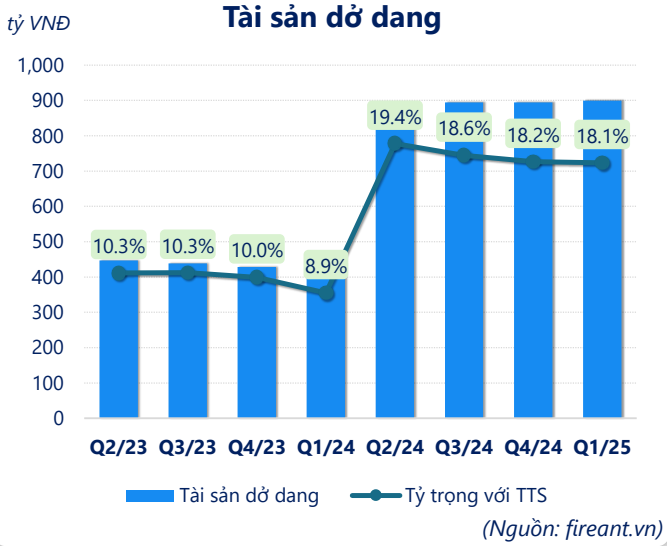
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



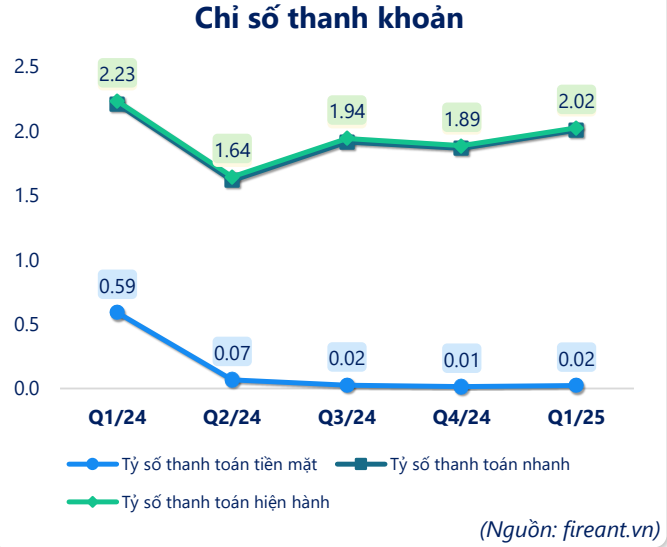
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



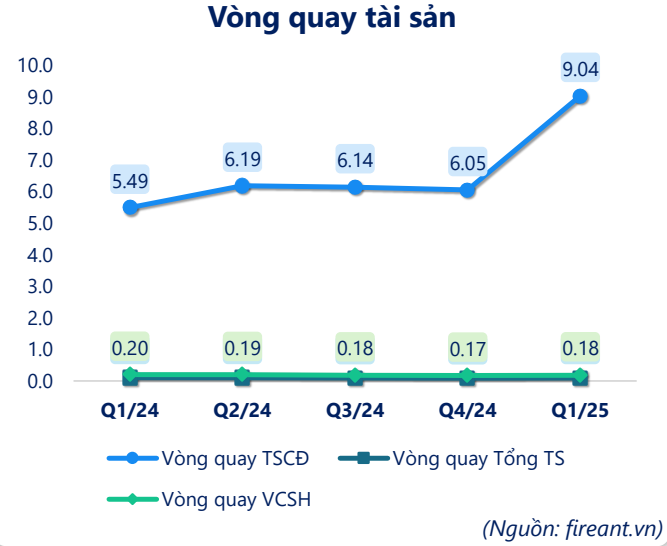
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**4,948**	**4,587**	**4,806**	**4,927**	**4,975**
Tài sản ngắn hạn	**2,659**	**1,622**	**1,837**	**2,014**	**1,866**
Tiền và tương đương tiền	702	66.6	23.1	15.8	21.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.36	8.36	8.36	8.36	8.36
Phải thu ngắn hạn	1,909	1,501	1,760	1,945	1,799
Hàng tồn kho	26.5	28.6	26.9	21.5	16.7
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	17.3	18.4	22.5	21.4
Tài sản dài hạn	**2,289**	**2,965**	**2,969**	**2,914**	**3,109**
Phải thu dài hạn	1,078	1,067	1,070	1,067	1,261
Tài sản cố định	74.6	57.6	54.1	53.9	32.8
Bất động sản đầu tư	118	114	113	111	109
Tài sản dở dang	439	892	894	895	900
Đầu tư tài chính dài hạn	348	610	621	577	594
Tài sản dài hạn khác	202	196	190	185	190
Lợi thế thương mại	30.3	28.6	26.8	25.0	23.2
Nợ phải trả	**2,333**	**1,961**	**2,171**	**2,277**	**2,294**
Nợ ngắn hạn	**1,192**	**987**	**946**	**1,068**	**922**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	702	466	487	510	351
Phải trả người bán ngắn hạn	22.3	24.6	22.7	31.8	33.4
Nợ dài hạn	1,141	974	1,225	1,208	1,371
Vay và nợ thuê dài hạn	530	373	596	529	660
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,615**	**2,626**	**2,635**	**2,651**	**2,682**
Vốn chủ sở hữu	**2,615**	**2,626**	**2,635**	**2,651**	**2,682**
Vốn điều lệ	1,148	1,148	1,148	1,148	1,148
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)